

TỔNG HỢP

KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ, BIỂU DƯƠNG, KHEN THƯỞNG ĐỐI VỚI HỘ GIA ĐÌNH THOÁT NGHIỀU, ĐỒNG THỜI THOÁT CẬN NGHIỀU; THOÁT CẬN NGHIỀU 02 NĂM LIÊN TỤC 2016-2017 ĐẾN NĂM 2019 ĐỦ ĐIỀU KIỆN HƯỞNG CHÍNH SÁCH VÀ KINH PHÍ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP CHO HỌC SINH MẪU GIÁO, HỌC SINH PHỔ THÔNG NĂM THỨ HAI

(Kèm theo Quyết định số

/QĐ-UBND ngày

/7/2024 của Chủ tịch UBND huyện)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên xã, thị trấn	Hỗ trợ hộ gia đình thoát nghèo đồng thời thoát cận nghèo 02 năm liên tục đến năm 2019 đủ điều kiện thụ hưởng chính sách bị bỏ sót chưa được hỗ trợ	Hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh năm thứ hai (thuộc hộ gia đình thoát nghèo đồng thời thoát cận nghèo đã thụ hưởng năm 2018)	Tổng cộng	Ghi chú
1	2	3	4	5=3+4	6
	TỔNG CỘNG	641,0	56,7	697,7	
1	Ba Khâm	56,8	0,0	56,8	
2	Ba Giang	95,8	0,0	95,8	
3	Ba Trang	79,0	0,0	79,0	
4	Ba Cung	0,0	13,5	13,5	
5	Ba Vinh	36,0	0,0	36,0	
6	Ba Ngạc	116,4	0,9	117,3	
7	Ba Xa	136,6	0,0	136,6	
8	Ba Liên	75,4	0,0	75,4	
9	Ba Thành	0,0	17,1	17,1	
10	Ba Dinh	45,0	1,8	46,8	
11	Ba Lê	0,0	0,9	0,9	
12	Thị trấn Ba Tơ	0,0	5,4	5,4	
13	Ba Điền	0,0	7,2	7,2	
14	Ba Vì	0,0	9,9	9,9	

TỔNG HỢP

KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ BIỂU DƯƠNG, KHEN THƯỞNG ĐỐI VỚI HỘ GIA ĐÌNH THOÁT NGHÈO, ĐỒNG THỜI THOÁT CẬN NGHÈO 02 NĂM LIÊN TỤC 2016 - 2017 ĐẾN NĂM 2019 ĐỦ ĐIỀU KIỆN HƯỞNG CHÍNH SÁCH BỊ BỎ SÓT CHƯA HỖ TRỢ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2024 của Chủ tịch UBND huyện)

DVT: Triệu đồng

STT	TÊN XÃ, PHƯỜNG	Tổng nhu cầu kinh phí (Tr. đồng)	Hỗ trợ hộ gia đình thoát nghèo đồng thời thoát cận nghèo năm 2016 và đủ 2 năm liên tục 2017-2018														Hỗ trợ hộ gia đình thoát cận nghèo năm 2016 và đủ 2 năm liên tục 2017-2018		Ghi chú
			Nhu cầu kinh phí (Tr. đồng)	Hỗ trợ hộ gia đình		Hỗ trợ chi phí học tập													
						Tổng số				Trong đó									
				Số hộ	Kinh phí (trđ)	Số lượt học sinh	Kinh phí (trđ)	Số hộ học sinh	Kinh phí (trđ)	Số hộ học sinh	Kinh phí (trđ)	Số hộ học sinh	Kinh phí (trđ)	Số hộ học sinh	Kinh phí (trđ)	Số hộ học sinh	Kinh phí (trđ)	Số hộ	
1	2	3=4+18	4=6+8	5	6	7=9+11+13+15	8=10+12	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	
TỔNG CỘNG		641,0	386,0	26,0	260,0	280,0	126,0	70,0	35,0	70,0	28,0	70,0	35,0	70,0	28,0	51,0	255,0		
1	Xã Ba Khâm	56,8	31,8	3	30	4	1,80	1	0,50	1	0,40	1	0,50	1	0,40	5	25		
2	Xã Ba Giang	95,8	80,8	7	70	24	10,80	6	3,00	6	2,40	6	3,00	6	2,40	3	15		
3	Xã Ba Trang	79,0	59,0	5	50	20	9,00	5	2,50	5	2,00	5	2,50	5	2,00	4	20		
4	Xã Ba Xa	136,6	91,6	7	70	48	21,60	12	6,00	12	4,80	12	6,00	12	4,80	9	45		
5	Xã Ba Liên	75,4	45,4	4	40	12	5,40	3	1,50	3	1,20	3	1,50	3	1,20	6	30		
6	Xã Ba Dinh	45,0	0,0	0	0	0	0,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00	9	45		
7	Xã Ba Ngạc	116,4	41,4	0	0	92	41,40	23	11,50	23	9,20	23	11,50	23	9,20	15	75		
8	Xã Ba Vinh	36,0	36,0	0	0	80	36,00	20	10,00	20	8,00	20	10,00	20	8,00	0	0		

TỔNG HỢP
NHU CẦU KINH PHÍ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP CHO HỌC SINH
NĂM THỨ HAI THUỘC HỘ GIA ĐÌNH THOÁT NGHÈO, ĐỒNG THỜI THOÁT CẬN NGHÈO 02 NĂM LIÊN TỤC ĐẾN
NĂM 2019 ĐỦ ĐIỀU KIỆN HƯỞNG CHÍNH SÁCH

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2024 của Chủ tịch UBND huyện)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên xã	Hỗ trợ chi phí học tập cho trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông năm thứ hai (thuộc hộ thoát nghèo đồng thời thoát cận nghèo đã thụ hưởng chính sách năm 2018)						Ghi chú
		Tổng số		Trong đó				
				Hỗ trợ từ tháng 01-5/2020		Hỗ trợ từ tháng 9-12/2020		
Số lượt học sinh	Kinh phí (trđ)	Số học sinh	Kinh phí (trđ)	Số học sinh	Kinh phí			
1	2	3=5+7	4=6+8	5	6	7	8	9
	TỔNG CỘNG	126	56,7	63	31,5	63	25,2	
1	Ba Cung	30	13,5	15	7,5	15	6,0	
2	Ba Ngạc	2	0,9	1	0,5	1	0,4	
3	Ba Thành	38	17,1	19	9,5	19	7,6	
4	Ba Dinh	4	1,8	2	1,0	2	0,8	Có 02 học sinh xã Ba Chùa chuyển sang
5	Ba Lễ	2	0,9	1	0,5	1	0,4	
6	Thị trấn Ba Tơ	12	5,4	6	3,0	6	2,4	06 học sinh xã Ba Chùa chuyển sang
7	Ba Điền	16	7,2	8	4,0	8	3,2	
8	Ba Vi	22	9,9	11	5,5	11	4,4	